

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2023/DS-PT
Ngày: 07/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thuỷ

Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2022/TLPT-DS ngày 28/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 432/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 641/2023/QĐPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 993/4 Đường B, Khu phố C, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1954 (Có mặt);

Địa chỉ: 09 đường G, phường H, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Bích I, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: 403/28/23 tổ 30, Khu phố C, đường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 987 Đường M, Khu phố C, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Ngô Văn N, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 987 Đường M, Khu phố C, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Ngô Văn O, sinh năm 1955;

Địa chỉ: 993/4 Đường B, Khu phố C, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1954 (Có mặt);

Địa chỉ: 09 đường G, phường H, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị A (Đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị F) trình bày:*

Vào năm 2013 vợ chồng bà Lê Thị A có cho bà Hoàng Thị Bích I (chị ruột của em dâu bà tên là Hoàng Thị Bích L) mượn số tiền 3.440.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 10/4/2013 và giấy vay tiền ngày 02/01/2011. Bà I đã đóng được tiền lãi số tiền là 136.000.000đ thì ngưng không đóng tiền lãi nữa. Sau đó, vợ chồng bà có yêu cầu bà I trả số tiền nêu trên, tuy nhiên bà I cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả, cố tình lách mặt, không trả nợ cho vợ chồng bà.

Nay bà làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Bích I trả lại số tiền 3.440.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà theo các giấy vay nợ nêu trên mà bà Hoàng Thị Bích I đã ký nợ, không yêu cầu bà I trả tiền lãi.

**Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Hoàng Thị Bích I trình bày:*

Bà không có vay của bà Lê Thị A số tiền 3.440.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) theo đơn kiện của bà Lê Thị A.

Bà xác nhận chỉ vay của bà A số tiền tổng cộng chỉ có 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), nhưng bà đã trả bớt tiền vốn là 150.000.000 đồng. Vậy nay bà chỉ nợ bà A số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Chồng bà tên là Lê Mộng P không liên quan tới việc vay tiền giữa bà và bà Lê Thị A. Hiện nay ông P ở đâu bà không biết vì vợ chồng bà đã ly hôn từ năm 2018.

Giấy vay tiền ngày 10/4/2013 và giấy vay tiền ngày 02/01/2011, ngày 09/01/2011 do bà A cung cấp không phải chữ ký của bà. Vì hoàn cảnh quá khó khăn phải làm thuê, làm mướn nên đối với số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) còn nợ của bà Lê Thị A, bà xin trả 1.000.000đ/ tháng (một triệu đồng) cho đến hết số nợ.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Bích L trình bày:*

Vào năm 2011 bà có biết bà I có vay tiền của bà Lê Thị A (Thái), số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) với lãi suất là lãi suất 3%/tháng, nhưng thực tế là trả lãi 8%/tháng. Nay bà A kiện bà I đòi trả số tiền 3.440.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) là không đúng sự thật. Trong thời gian bà A cho bà I vay tiền, bà không biết cũng không có làm chứng cho bà I vay mượn tiền của bà A, bà không có mặt, không biết chuyện làm ăn của hai người như thế nào. Bà chỉ biết bà I cho bà A vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là lần vay đầu tiên, bà A có nói bà xác nhận biết việc bà I vay bà A số tiền này, còn việc bà A nói bà bảo lãnh cho bà I là không đúng sự thật.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn N (chồng của bà Hoàng Thị Bích L) trình bày:*

Ông không biết chuyện vay tiền giữa bà I và bà A, ông cũng không ký xác nhận việc bảo lãnh trả nợ thay cho bà I. Vì lý do riêng, ông không thể có mặt tại Tòa án theo giấy mời nên ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử, cũng như thực hiện các thủ tục tố tụng khác vắng mặt ông trong quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 432/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Hoàng Thị Bích I phải trả cho bà Lê Thị A số tiền 3.440.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hoàng Thị Bích I chưa thanh toán số tiền trên, thì bà I còn phải trả thêm cho bà A số tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong bản án theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/9/2022, bị đơn bà Hoàng Thị Bích I kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Bà yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì từ đó cho đến nay bà A đã không hề tính lãi. Tuy nhiên để tạo điều kiện cho bà I bà đồng ý cho bà I trả số tiền trên trong thời hạn một năm kể từ khi bản án phúc thẩm có hiệu lực.

Bị đơn trình bày: Thực chất bà chỉ vay bà A số tiền 700.000.000đ; nhưng bà không có chứng cứ chứng minh những lần bà trả tiền vốn, lãi. Nay bà đồng ý trả số tiền 3.440.000.000đ theo bản án sơ thẩm, nhưng xin trả dần và bà đồng ý việc bà A cho bà trả số tiền trên trong thời hạn 01 năm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị Bích L, ông Ngô Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm xét sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Về án phí: Các bên chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến thỏa thuận về việc giải quyết vụ án; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Bích L, ông Ngô Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

Bị đơn bà Hoàng Thị Bích I đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.440.000.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho bị đơn: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Xét sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái quy định pháp luật. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải nộp phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, Điều 272, Điều 273, Khoản 2, khoản 3 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 432/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Bà Hoàng Thị Bích I phải trả cho bà Lê Thị A số tiền 3.440.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho bị đơn: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hoàng Thị Bích I chưa thanh toán số tiền trên, thì bà I còn phải trả thêm cho bà A số tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong bản án theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Bích I phải chịu án phí là 100.800.000đ (Một trăm triệu tám trăm nghìn đồng);

Hoàn trả cho bà Lê Thị A số tiền 50.400.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0036995 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Bích I phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Thuỷ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí số AA/2021/0023869 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận K ;
- Tòa án nhân dân Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà